**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP**

***Đinh Thị Thu Hiền***

Vốn của doanh nghiệp có thể được xem là nguồn sống của doanh nghiệp, vốn càng dồi dào, nguồn sống càng phát triển mạnh mẽ và ngược lại. Vốn trong doanh nghiệp được thể hiện đa dạng có thể là vốn cố định hoặc vốn lưu động. Tất cả các hoạt động đều cần đến sự luân chuyển của vốn. Để tối đa lợi nhuận, việc sử dụng vốn cần được thực hiện một cách chặt chẽ, cụ thể và có kiêm soát. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều nội dung để đánh giá, tùy thuộc vào quy mô, lĩnh vực kinh doanh để sử dụng những nội dung phù hợp mang lại hiệu quả cao nhất. Bài viết đề cập đến một số nội dung đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Vốn của doanh nghiệp có thể hiểu là vốn từ nguồn cố định và nguồn lưu động. Khi phân tích về hiệu quả sử dụng vốn cần thiết phân tích tách biệt hiệu quả từ nguồn cố định và nguồn lưu động nhằm đánh giá một cách chi tiết, cụ thể và toàn diện về ảnh hưởng của từng nguồn vốn tác động đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp.

Vốn cố định được sử dụng để trang trải cho các tài sản cố định như mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản… nguồn vốn lưu động chủ yếu để đảm bảo cho tài sản lưu động như nguyên vật liệu, công cụ, để tạo thành phẩm, hàng hoá. Vốn ngày càng mở rộng có thể quy mô doanh nghiệp càng phát triển, hiệu quả sử dụng vốn càng cao và ngược lại. Đối với nhiều loại hình doanh nghiệp, vốn được hinh thành từ vốn chủ sở hữu, hoặc vốn góp từ các cổ đông, các nhà đầu tư với mục đích gia tăng lợi nhuận, gia tăng lợi ích cho các đối tượng góp vốn. Do đó có thể thấy, lợi nhuận gắn liền với hiệu quả sử dụng vốn. Vậy nên sử dụng vốn như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất và các phương pháp phân tích ra sao về vốn?

Tùy theo nhiều quan điểm phân tích khác nhau về sử dụng vốn để doanh nghiệp lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp. Trước hết cần xác định công thức dùng đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn như sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu quả | = | Đầu ra |
| Đầu vào |

Đầu ra đươc hiểu là kết quả đạt được sau khi kinh doanh có thể là Doanh thu của từng hoạt động, lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế… Đầu vào được hiểu là các yếu tố thuộc vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Yếu tố đầu vào thể hiện các quan điểm khác nhau, có thể là vốn cố định hoặc vốn lưu động. Trong công thức hiệu quả thể hiện kết quả đầu ra đạt được khi đầu tư hoặc sử dụng các yếu tố đầu vào. Hiệu quả càng lớn chứng tỏ vốn được sử dụng có hiệu quả cao.

**Các nội dung phân tích hiệu quả sử dụng vốn**

***1. Hiệu quả từ sử dụng vốn cố định***

Vốn cố định được hiểu là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp, đây là vốn phải thỏa mãn điều kiện về thời gian sử dụng là 1 năm trở lên với nguyên giá là 30 triệu đồng. Có nhiều loại vốn cố định trong doanh nghiệp thể hiện dưới nhiều hình thái khác nhau như: Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà xưởng,..Trong vốn cố định thì tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ lệ % lớn hơn so với tài sản cố định vô hình. Do đó, khi đánh giá hiệu quả từ vốn cố định, doanh nghiệp thường đánh giá hiệu quả mang lại từ tài sản cố định hữu hình. Cụ thể ở một số chỉ tiêu phân tích hiệu quả như sau:

- Phân tích hàm lượng vốn cố định

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hàm lượng VCĐ | = | Số Vốn cố định bình quân trong kỳ |
| Doanh thu thuần trong kỳ |

Chỉ tiêu về hàm lượng cho biết để tạo ra 1 đồng doanh thu thuần trong kỳ cần bao nhiêu đồng vốn cố định. Hàm lượng VCĐ càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn càng cao, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần thực hiện các biện pháp, phương thức nhằm kích thích tiêu thụ sao cho số vốn cố định là nhỏ nhất.

- Hệ số hao mòn TSCĐ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số hao mòn | = | Giá trị hao mòn lũy kế |
| NGuyên giá TSCĐ |

Chỉ tiêu này phản ánh về mức độ hao mòn của TSCĐ, nếu TSCĐ nào có hệ số hao mòn gần bằng 1 chứng tỏ giá trị còn lại của TSCĐ là rất ít, TSCĐ được xem là cũ, cần thiết phải trang bị, và ngược lại chưa cần thiết phải trang bị.Đây được coi là chỉ tiêu trung gian nhằm đánh giá TSCĐ về mặt số lượng và chất lượng. Hiệu quả sử dụng TSCĐ chịu ảnh hưởng bởi chất lượng của TSCĐ, do đó cần thiết phân tích kết hợp với chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng TSCĐ như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu quả sử dụng TSCĐ | = | Doanh thu thuần |
| TSCĐ bình quân |

Nếu hiệu quả càng lớn chứng tỏ chất lượng của TSCĐ tốt, tham gia làm gia tăng doanh thu thuần, không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất sản phẩm, giúp doanh nghiệp gặp nhiều thuận lợi trong hoạt động kinh doanh.

***2. Hiệu quả từ sử dụng vốn lưu động***

Vốn lưu động trong doanh nghiệp là toàn bộ số vốn thể hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp. Vốn lưu động thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như vốn ở khâu sản xuất, khâu lưu thông và khâu dự trữ tiêu thụ.. Lượng vốn này thường xuyên luân chuyển, thời gian sử dụng vốn thường 1 năm và khả năng hoán chuyển thành tiền dễ dàng hơn so với vốn cố định. Do đó việc quản lý và sử dụng vốn lưu động hiệu quả là biện pháp nhanh chóng làm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Để đánh giá hiệu quả sử dụng từ vốn lưu động doanh nghiệp sử dụng nhiều chỉ tiêu, việc áp dụng chỉ tiêu nào tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp đó.

- Số vòng quay tài sản ngắn hạn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số vòng quay TSNH | = | Doanh thu thuần BH, CCDV |
| TSNH bình quân |
| Sô ngày một vòng quay | = | Thời gian phân tích |
| Số vòng quay TSNH |

Chỉ tiêu này thể hiện sự luân chuyển của TSNH, nếu sô vòng quay càng nhanh chứng tỏ TSNH hoạt động càng nhiều, hoạt động liên tục, số vốn được hoán chuyển càng cao do đó daonh thu thuần tạo ra càng lớn, và số ngày sử dụng TSNh càng ít đi. Chứng tỏ đây là trường hợp hoàn hảo nhất mà mọi doanh nghiệp đều mong muốn. Hiệu suất sử dụng TSNH càng cao nếu sự luân chuyển TSNH càng nhanh. Bên cạnh việc phân tích chung về hiệu suất từ TSNH, doanh nghiệp có thể tách các chỉ tiêu nhỏ có sức ảnh hưởng lớn đến hiệu quả như hàng tồn kho, khoản phải thu khách hang để phân tích chi tiết cụ thể, nhằm đánh giá hiệu quả từ các chỉ tiêu này rõ ràng và có hiệu quả.

-Số vòng quay hang tồn kho

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số vòng quay Hàng Tồn kho | = | Giá vốn hang bán |
| HTK bình quân |
| Sô ngày một vòng quay | = | Thời gian phân tích |
| Số vòng quay HTK |

-Số vòng quay khoản phải thu khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số vòng quay khoản phải thu khách hàng | = | Doanh thu thuần bán chịu + VAT |
| KPTKH bình quân |
| Sô ngày một vòng quay | = | Thời gian phân tích |
| Số vòng quay KPTKH |

Ví dụ minh họa: Công ty HẠNH NGUYÊN chuyên sản xuất và tiêu thụ sản phẩm về xong nồi.. năm 2019 công ty đánh giá lại hiệu quả sử dụng vốn thông qua một số chỉ tiêu về vốn cố định và vốn lưu động so với năm 2018 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2018** | **2019** | **Chênh lệch** | **%** |
| **I. Hiệu quả sd VCĐ** |  |  |  |  |
| Hàm lượng VCĐ | 2,3 | 3,4 | 1,1 | 47,83% |
| Hệ số Hao mòn | 0,6 | 0,7 | 0,1 | 16,67% |
| Hiệu quả sử dụng TSCĐ | 5,5 | 5,7 | 0,2 | 3,63% |
| **II. Hiệu quả sd VLĐ** |  |  |  |  |
| Số vòng quay TSNH | 3 | 3,5 | 0,5 | 16,67% |
| Số ngày một vòng quay TSNH | 120 | 103 | -17 |  |
| Số vòng quay HTK | 5,2 | 4,8 | -0,4 | -7,69% |
| Số ngày một vòng quay HTK | 70 | 75 | 5 |  |
| Số vòng quay KPTKH | 4,1 | 4,6 | 0,5 | 12,2% |
| Số ngày một vòng quay KPTKH | 88 | 79 | -9 |  |

Qua bảng phân tích trên, ta thấy rằng doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cố định trong năm 2019, khi so sánh với 2018 nhận thấy các chỉ tiêu về hàm lượng vốn cố định, hệ số hao mòn và hiệu quả sử dụng TSCĐ đều ở mức tăng mặc dù với sự chênh lệch không nhiều. Về hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong năm 2019 có hiệu quả từ việc sử dụng TSNH và Khoản phải thu khách hàng so với năm 2018, tốc độ luân chuyển vốn ở các chỉ tiêu này nhanh làm cho số ngày sử dụng giảm, lợi ích tạo ra càng lớn. Riêng hàng tồn kho chưa thật sự hiệu quả trong vấn đề sử dụng, năm 2019 tốc độ luân chuyển chậm hơn 2018 0,4 vòng làm cho số ngày vốn bị ứ đọng tăng 5 ngày, vốn bị ứ đọng chính là lượng Hàng tồn trong kho, chưa xử lý được của Dn, nếu ứ đọng càng lâu ảnh hưởng đến chất lượng càng lớn, lợi ích càng giảm. Do đó, ngoài những hiệu quả từ vốn cố định, từ tSNh và Khoản phải thu, Dn cần có những biện pháp cho việc sử dụng hang tồn kho.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Văn Dược (2008), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB thống kê, Đại học kinh tế TP HCM
2. Nguyễn Năng Phúc (2009), *Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Thống Kê
3. Phan Đức Dũng (2010), *Phân tích Hoạt động kinh doanh*, NXB tài chính